

Bản án số: 370/2021/HS-PT

Ngày: 17-11-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyễn;

2. Ông Vũ Hoài Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 223/2021/TLPT-HS ngày 26/5/2021, đối với bị cáo Nguyễn Hữu A và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu A, Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HSST, ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cac bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu A; sinh ngày 06/11/1992, tại E1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại 63/14 đường số 10, tổ 8, khu phố 2, phường M, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp kinh doanh; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới Ah nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Thành N và bà Ngô Thị O; vợ là Đặng Ngọc P và có 02 con, đứa lớn sinh năm 2016, đứa nhỏ sinh năm 2018, tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Ngô Đình B; sinh ngày 16/01/1993, tại tỉnh D1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện nay số 23 đường số 17, khu phố P, phường Q, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp lái xe; trình độ học vấn lớp 11/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Ngô Văn R và bà Bùi Thị S; vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con, sinh năm 2019, tiền án, tiền sự: không;

bị tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

3. Phạm Ngọc C; sinh ngày 13/6/1991, tại E1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại 487 đường U, phường V, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp lái xe; trình độ học vấn lớp 10/12; dân tộc Kinh; giới Ah nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A1 (chết) và bà Lương Thị B1; vợ là Hà Thị Mỹ C1 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Trần Tân D; sinh ngày 12/10/1984 tại D1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã F1, huyện G1, tỉnh H1; chỗ ở hiện nay tại 63/47B đường số 10, tổ 8, khu phố 2, phường M, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp chạy xe ôm; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới Ah nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Trọng I1 và bà J1; vợ là Đào Thị K1 và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Các bị hại:

1/ Nguyễn Vĩnh E; sinh năm 1993; trú tại 330 đường L1, Phường 11, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2/ Ngô F; sinh năm 1992; trú tại phòng A08.06 chung cư Viva Riverside, số 1472 đường M1, Phường 3, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2020 đến ngày 02/6/2020, ông Mai Quốc G – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Việt Á Châu có vay của bị cáo Nguyễn Hữu A 400 triệu đồng, để mua lô đất tại Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An và hứa từ 2 đến 3 ngày sẽ trả. Sau khi mua đất thì ông G chuyển hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua Zalo cho bị cáo A, nên bị cáo biết lô đất này ông G nhờ anh Ngô Vĩnh E là em vợ của ông, đồng thời là nhân viên của Công ty Việt Á Châu đứng tên và sau đó chuyển qua cho anh Nguyễn F cũng là nhân viên của Công ty Việt Á Châu đứng tên. Ông G cũng gửi tin nhắc cho bị cáo A biết là đã chỉ đạo cho anh Nguyễn Vĩnh E thế chấp lô đất trên cho Ngân hàng TMCP Phương Đông, tại số 268 đường Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 để vay tiền và hứa sau khi Ngân hàng giải ngân thì ông sẽ trả nợ cho bị cáo. Nhưng sau khi Ngân hàng đã giải ngân thì ông không trả nợ, mà còn cắt đứt liên lạc với bị cáo, nên sáng ngày 04/8/2020 bị cáo đến Công ty Việt Á Châu, tại 63A đường Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3 tìm ông G

đề đòi nợ. Không gặp được ông G nên bị cáo tìm hiểu và biết được lúc này có nhiều người làm đơn tố giác Công ty Việt Á Châu của ông G lừa đảo bán đất dự án và ông G đã bỏ trốn; biết được vào chiều ngày 04/8/2020 anh Nguyễn F sẽ đến Ngân hàng TMCP Phương Đông lấy bản sao hồ sơ thế chấp thửa đất để ủy quyền cho người khác theo sự chỉ đạo của ông G. Sợ anh Nguyễn F đồng lõa với ông G tẩu tán lô đất làm cho bị cáo khó đòi nợ về sau, nên bị cáo điện thoại đến bị cáo Ngô Đình B là lái xe của gia đình, nhờ bị cáo B tìm thêm người để giúp bị cáo ngăn chặn, không cho anh Nguyễn F thực hiện việc ủy quyền. Lúc này, bị cáo B đang uống cà phê ở Quận 9 cùng với các bị cáo Phạm Ngọc C, Trần Tân D và người có tên Tí (không rõ lai lịch và địa chỉ) nghe bị cáo A điện thoại nói là: “Tìm người giúp giải quyết công việc” thì bị cáo B rủ các đối tượng trên đi giúp cho bị cáo A, thì tất cả đều đồng ý. Sau khi uống cafe xong, bị cáo B điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển số 51G-071.81 chở các đối tượng trên đi đến đường Tô Hiến Thành, Quận 10 gặp bị cáo A. Bị cáo A mời bị cáo B, bị cáo C, bị cáo D và Tí đi ăn cơm và trong lúc ăn bị cáo A kể lại sự việc trên, đồng thời nhờ các bị cáo trên hỗ trợ, ngăn chặn việc anh Nguyễn F đi làm hợp đồng ủy quyền thì tất cả đều đồng ý.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, các bị cáo lên xe ô tô biển số 51G-071.81 đến Ngân hàng TMCP Phương Đông để tìm anh Nguyễn F. Khi thấy anh Nguyễn F từ trong Ngân hàng bước ra thì bị cáo A cùng bị cáo C đi tới trước mặt anh Nguyễn F và bị cáo A hỏi: “Mày là em vợ của G phải không, cầm giấy tờ đi tẩu tán tài sản phải không”. Anh Nguyễn F trả lời “Không có” thì bị cáo A dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải đâm vào mặt anh Nguyễn F 2 cái, bị cáo C dùng tay bẻ tay phải anh Nguyễn F ra phía sau và giữ lại, Tí dùng tay đánh vào đầu và mặt anh Nguyễn F, còn bị cáo D thì đứng kế bên nhưng không có hành động gì. Cùng lúc này anh Ngô Vĩnh E là người đi cùng với anh Nguyễn F từ trong Ngân hàng bước ra, trên tay anh có cầm một số giấy tờ thì bị cáo A đến giật xấp giấy tờ đó. Sau khi xem sơ qua thấy anh Nguyễn F đứng tên trên Hợp đồng A dụng và Hợp đồng thế chấp lô đất Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An, do Ngân hàng cung cấp thì bị cáo A nói: “Bắt thằng này luôn” thì các bị cáo cùng đến nắm kéo, xô đẩy, đưa anh Nguyễn F và anh Ngô Vĩnh E lên xe ô tô, rồi để chở đi.

Trên xe, bị cáo C dùng khẩu trang bịt mặt các anh lại, Tí dùng tay đánh vào mặt anh Ngô Vĩnh E mấy cái, bị cáo A dùng tay đánh vào mặt anh Nguyễn F 2 cái và gạn hỏi thì anh Nguyễn F nói là ông G bảo anh đến Ngân hàng lấy bản sao hồ sơ vay tiền và đến Long An làm hợp đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Nhật Huy định đoạt lô đất tại Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Huy cũng là nhân viên của Công ty Việt Á Châu). Sau khi nghe anh Nguyễn F nói vậy thì bị cáo A nói là ông G vay của bị cáo 400 triệu đồng để mua lô đất trên, nhưng ông G không trả tiền đúng hẹn và cắt liên lạc, đồng thời lấy điện thoại mở các tin nhắn giữa ông G và bị cáo cho anh Nguyễn F xem. Sau đó bị cáo A nói với anh Nguyễn F là đi lên Long An để anh ký hợp đồng ủy quyền lô đất trên

cho bị cáo, để bị cáo bán và sẽ thanh toán số tiền mà ông G nhờ anh Nguyễn F vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và trừ nợ cho bị cáo, số tiền còn thừa sẽ giao lại cho anh Nguyễn F. Thấy anh Nguyễn F không nói gì thì bị cáo A bảo bị cáo B điều khiển xe đi đến Long An, đồng thời điện thoại nhờ chị Nguyễn Thị Bảo K, nhờ chị đến Phòng Công chứng Lê Thị Thu C ở thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để đứng tên người được ủy quyền. Chị K đồng ý nên bị cáo chuyển thông tin về lô đất qua hệ thống Zalo cho chị K, để chị yêu cầu Công chứng viên soạn thảo sẵn hợp đồng, như chị K đã gợi ý. Khi đến Văn phòng Công chứng thì bị cáo A và bị cáo C dẫn anh Nguyễn F vào, chị K đưa Hợp đồng ủy quyền đã soạn sẵn ra thì bị cáo A bảo anh Nguyễn F ký vào hợp đồng. Sau khi Công chứng viên chứng thực vào hợp đồng thì bị cáo yêu cầu anh Nguyễn F đưa bị cáo đi xem lô đất. Do hồ sơ công chứng ủy quyền thiếu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên trên đường về lại Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo A bảo anh Nguyễn F điện thoại cho nhân viên Ngân hàng TMCP Phương Đông xin bản sao để đưa cho bị cáo, để bị cáo chuyển cho Văn phòng Công chứng. Khi xe đến đường Nguyễn Trãi thì bị cáo A đưa 2 tờ giấy bảo anh Nguyễn F ghi đã nhận đủ 1,2 tỉ đồng, đúng với số tiền mà ông G nhờ anh vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và bảo anh Ngô Vĩnh E ghi vào giấy đã nhận đủ số tiền 400 triệu đồng, bằng số tiền mà ông G vay của bị cáo. Mục đích là để buộc ông G phải nhanh chóng trả nợ cho bị cáo, nếu ông G không trả thì bị cáo bỏ tiền ra tất toán khoảng vay tại ngân hàng, lấy giấy chứng nhận QSD đất ra để bán lô đất cần trừ nợ, nếu ông G bị xử lý và lô đất bị kê biên thì bị cáo được ưu tiên mua để cần trừ nợ. Sau đó bị cáo A, bị cáo C và anh Nguyễn F xuống xe ô tô, để đón xe tắc-xi đi qua Ngân hàng TMCP Phương Đông và sau khi anh Nguyễn F lấy bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho bị cáo A thì bị cáo A để cho anh ra về. Còn anh Ngô Vĩnh E thì bị cáo B chở đến đường Ngô Quyền và để anh xuống xe đi về.

Khoảng 19 giờ cùng ngày anh Nguyễn F và Ngô Vĩnh E đến Công an Phường 14, Quận 10 trình báo sự việc bị các bị cáo bắt giữ. Đến ngày 06/8/2020 thì các bị cáo đến Công an Quận 10 đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST, ngày 13/4/2021, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 3; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù Ah từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Ngô Đình B 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù Ah từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020.

- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù Ah từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020.

- Xử phạt bị cáo Trần Tân D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù Ah từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và kiến nghị với Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 10 theo trình tự phúc thẩm, đối với hành vi dùng vũ lực của các bị cáo ép buộc anh Nguyễn F ký hợp đồng ủy quyền lô đất cho người khác để bán lấy lại số tiền 400.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 16/4/2021 các bị cáo Nguyễn Hữu A, Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D kháng cáo xin được xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như đã nêu trên và đều giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích Ah chất, mức độ nguy hiểm mà các bị cáo đã thực hiện, có quan điểm như sau:

- Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự giác ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo A tham gia nhiều phong trào do chính quyền, đoàn thể ở địa phương phát động có nhiều thành tích được tặng thưởng Giấy khen và bằng khen. Các bị cáo đều mới lần đầu phạm tội, bị cáo B có cha là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo C đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi bị khởi tố bị cáo A đã vận động các bị cáo đóng góp tiền để bị cáo A bồi thường cho các bị hại, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo A là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo B, C và D.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo A đã có những nghĩa cử tốt đẹp như là hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho các hộ nghèo bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 ở phường An Phú và phường Tăng Nhơn Phú, thành phố J, được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam của hai phường này gửi thư cảm ơn. Bị cáo đã theo dõi bắt giữ nhiều tên tội phạm Cướp giật giao cho Công an xử lý, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 tặng Giấy khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 “Người phạm tội đã lập công chuộc tội”.

- Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ngô Đình B 3 năm tù, bị cáo Phạm Ngọc C 3 năm tù và bị cáo Trần Tân D 2 năm 6 tháng tù, về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và cho các bị cáo này hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách.

- Về kiến nghị của tòa án cấp sơ thẩm: Bị cáo A cùng đồng phạm không có hành vi chiếm đoạt tài sản và không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kiến nghị của Tòa án sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng như sau:

- Bị cáo A: Khi bị cáo đến Công ty tìm ông Mai Quốc G để đòi nợ thì biết được ông G đã chỉ đạo cho anh Nguyễn F làm hợp đồng ủy quyền cho người khác xử lý lô đất mà ông G vay tiền của bị cáo để mua. Lúc này bị cáo nghe có rất nhiều người cũng đến Công ty Việt Á Châu tìm ông G để đòi nợ, về việc ông G và nhân viên của ông lừa bán đất nên bị cáo nghĩ ông G và những người đứng tên trên giấy tờ lô đất đã lừa bị cáo. Do số tiền mà bị cáo cho ông G vay là tiền mà bị cáo đi vay người khác, nên bị cáo sợ mất tiền mới có hành vi sai trái, bị cáo rất hối hận nên đã làm việc tốt để chuộc lại lỗi lầm. Kính mong Tòa giảm án và cho bị cáo hưởng án treo, vì bị cáo là nạn nhân của chính ông G và những người cộng sự của ông G. Hiện nay ông G đã bỏ trốn và bị cáo cũng chưa được gia đình hay nhân viên của ông G trả lại 400 triệu đồng.

- Các bị cáo B, C và D: Kính mong tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, vì gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với những chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D đã có hành vi dùng vũ lực đưa anh Nguyễn F và anh Ngô Vĩnh E lên xe ô tô, giữ các anh trong xe ô tô từ lúc 13 giờ 06 phút đến 19 giờ ngày 04/8/2020. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết tội các bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của con người. Song nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc ông Mai Quốc G bội A trong việc trả nợ và ông G có thủ đoạn tâu tán thứ tài sản mà ông vay tiền của bị cáo để mua, để cho bị cáo khó thu hồi được nợ bằng biện pháp Pháp lý. Sau khi phạm tội, bị cáo A đến Công an tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tổn thất về tinh thần cho các bị hại, được các bị hại bãi nại. Bị cáo mới phạm tội lần đầu; quá trình sống tại địa phương bị cáo tích cực tham gia phong trào hiến máu nhân đạo, hỗ trợ người nghèo, bảo tồn và phát triển môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam, được Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tặng Giấy khen và Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam tặng Bằng khen. Cấp sơ thẩm áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo, nhưng xử phạt bị cáo 3 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc so với Ah chất, mức độ phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Sau khi bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho đến nay, bị cáo luôn có những nghĩa cử tốt đẹp như: Hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho các hộ nghèo bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 ở phường An Phú và phường Tăng Nhơn Phú, thành

phố J, được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam của hai phường này tri ân, gửi Thư cảm ơn. Đặc biệt bị cáo đã dũng cảm theo dõi và bắt giữ nhiều tên tội phạm Cướp giật trên đường phố giao cho Công an xử lý, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 tặng Giấy khen. Do đó, cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” cho bị cáo.

Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo A, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo đã phạm cho phù hợp với Ah chất, mức độ phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, cũng như lỗi của phía bị hại.

[3.2] Các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D, đều là người giúp sức cho bị cáo Tín trong việc bắt giữ bị hại. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự giác ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều mới lần đầu phạm tội, không có mục đích hưởng lợi từ bị cáo A mang lại, bị cáo B có cha là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo C đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quân sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo là có căn cứ, đúng luật. Song cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B và bị cáo C 3 năm tù, bị cáo D 2 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc so với Ah chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, với vai trò của các bị cáo trong vụ án và những tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng.

Quá trình tranh tụng phiên tòa phúc thẩm xác định các bị cáo đều góp tiền để bị cáo A bồi thường thiệt hại cho các bị hại, nên được cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo này mức án dưới khung hình phạt và thấp hơn mức án áp dụng cho bị cáo A.

Trong các bị cáo trên thì bị cáo Ngô Đình B là người điều khiển xe chở đồng phạm đến bắt giữ bị hại và chở đi; bị cáo Phạm Ngọc C có hành vi nắm giữ tay bị hại Nguyễn F và dùng khẩu trang bịt mắt các bị hại, còn bị cáo Trần Tân D chỉ gây áp lực với các bị hại bằng hành vi bám sát các bị hại. Song bị cáo B có cha là người có công được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo C đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nên hình phạt áp dụng cho 3 bị cáo này bằng nhau.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Nguyễn Hữu A không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo đã ý thức được việc làm sai trái của mình, luôn luôn làm những điều tốt, có ích cho xã hội và đã lập công chuộc tội, như đã nhận định tại phần [3.1]. Song bị cáo là người rủ rê các bị cáo khác phạm tội và là người cầm đầu trong vụ án nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo.

Các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D đều là những người giúp sức cho do bị cáo A, do bị cáo A rủ rê, lôi kéo. Các bị cáo này không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và từ khi được tại ngoại đến nay đều chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương nơi cư trú. Xét thấy các bị cáo này thì không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D và việc cho các bị cáo này hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội.

[5] Về kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm: Trong phần nhận định và phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị, với nội dung như sau: “Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 10 theo trình tự phúc thẩm đối với hành vi dùng vũ lực của các bị cáo trong vụ án này ép buộc anh Nguyễn F ký hợp đồng ủy quyền lô đất cho người khác để bán lấy lại số tiền 400.000.000 đồng, nhằm tránh bỏ lọt tội phạm”, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về hình thức: Hội đồng xét xử sơ thẩm ban hành kiến nghị chung trong bản án là không đúng với bố cục của bản án sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Vấn đề mà Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị cũng là nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ, yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung và kết quả điều tra bổ sung đã xác định: Khi lên xe bị cáo A đã nói toàn bộ sự việc ông Mai Quốc G vay tiền của bị cáo A để mua lô đất tại Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An cho bị hại Nguyễn F nghe và cho bị hại xem tất cả các tin nhắn của ông Mai Quốc G và bị cáo A đã gửi qua lại thì bị hại đã hiểu được vấn đề, nên đã đồng ý đến phòng Công chứng ký ủy quyền lô đất cho bị cáo A. Bị hại còn khai: Nếu sau khi ủy quyền mà bị hại thấy việc ủy quyền đó không đúng thì bị hại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do đó, sau khi nhận được Bản án sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm đối với nội dung mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đã kiến nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Cấp sơ thẩm căn cứ Bằng khen của Liên đoàn Võ thuật Việt Nam tặng cho bị cáo A, do bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào Võ cổ truyền Việt Nam, để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là không chính xác. Bởi, tại điểm v khoản 1 Điều này quy định: “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”, mà thành tích trên của bị cáo A có được không phải trong trường hợp “Sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”. Đối với tình tiết này cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Ngoài những tiết giảm nhẹ tại khoản 2 của điều luật này mà cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng cho bị cáo A), để không gây bất lợi cho bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D được hưởng án treo, nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo này.

Bị cáo Nguyễn Hữu A bị phạt tù, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu A; Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST, ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 38; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt **Nguyễn Hữu A** 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn tù Ah từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 07/8/2020 đến ngày 15/8/2020.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt **Ngô Đình B** 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng, Ah từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 17/11/2021).

Giao bị cáo Ngô Đình B cho Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Xử phạt **Phạm Ngọc C** 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, Ah từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 17/11/2021).

Giao bị cáo Phạm Ngọc C cho Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Xử phạt **Trần Tân D** 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng, Ah từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 17/11/2021).

Giao bị cáo Trần Tân D cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố J, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về áp dụng biện pháp ngăn chặn:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D, nếu các bị cáo trên không bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 4 Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Cấm đi khỏi nơi cư trú, đối với bị cáo Nguyễn Hữu A. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án phúc thẩm cho đến khi bị cáo A đi chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Ngô Đình B, Phạm Ngọc C và Trần Tân D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 10; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (4)
- THA Quận 10; (1)
- TAND Quận 10; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (4)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu